

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT, TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST

Ngày: 15 - 09 - 2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Bích Loan**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Chiêu**
Bà **Trần Thị Thanh**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Khuất Thu Hương**- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 09 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2020/TLST- DS ngày 14 tháng 05 năm 2020 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST- DS ngày 28/08/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP PD (OCB)**
Địa chỉ: Số 41-45 đường Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Trịnh Văn Tuấn**; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.
- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Phạm Kiên Cường**; Chức vụ Giám đốc PGD Đông Đô- Chi nhánh Hà Nội (Văn bản ủy quyền số 40/2019/UQ-CT.HĐQT ngày 04/11/2019). Ông **Cường** ủy quyền lại cho ông **Nguyễn Bá Quang**, ông **Sầm Xuân Phúc** và ông **Nguyễn Duy Hải**; chuyên viên xử lý nợ (Giấy ủy quyền số 60/2020/UQ- OCB ngày 20/7/2020); ông **Hải** có mặt.
- *Bị đơn:* + Ông **Vũ Văn M**, sinh năm 1972; vắng mặt.
+ Bà **Phạm Phương H**, sinh năm 1972; vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Cụm 10, xã PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Duy Hải, trình bày:

Ngày 03/4/2019, Ngân hàng TMCP PD đã ký Hợp đồng tín dụng số 0032045/2019/HĐTD - OCB-CN với Ông Vũ Văn M và Bà Phạm Phương H. Nội dung: Ngân hàng cho ông M, bà H vay số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*); Mục đích vay tiêu dùng; Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất: Lãi suất 3 tháng đầu tiên là 11%/năm, lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần theo công thức tính lãi suất: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ cao nhất do Ngân hàng công bố tại thời điểm tính lãi + Biên độ tối thiểu 4,2%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ngày 03/4/2019 Ông Vũ Văn M và Bà Phạm Phương H đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng TMCP PD- Chi nhánh Hà Nội- PGD Đông Đô. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất tại thửa đất số 151a -2, tờ bản đồ số 03, diện tích 63m² tại xã PT, huyện PT. Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 118071, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS- PT 00586 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/11/2019, đứng tên chủ sử dụng đất là Ông Vũ Văn M. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1548/HĐTC ngày 03/4/2019, tại Phòng Công chứng Hà Đông, Thành phố Hà Nội và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông M, bà H đã trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc 35.000.002đ và tiền lãi 20.449.568đ; Lãi phạt 132.771đ, tổng cộng 55.583.341đ, sau đó ông M, bà H không thực hiện trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên thành nợ quá hạn.

Tính đến ngày 15/6/2020, ông M, bà H còn nợ Ngân hàng TMCP PD tổng số tiền là 285.002.793đ. Trong đó: Tiền nợ gốc là: 264.999.998đ; nợ lãi trong hạn: 17.926.690đ; nợ lãi quá hạn: 2.076.105đ.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Ông Vũ Văn M, Bà Phạm Phương H phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và yêu cầu ông M, bà H tiếp tục trả tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông M, bà H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp ông M, bà H không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 151a -2, tờ bản đồ số 03, diện tích 63m² tại xã PT, huyện PT, theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên đã được đăng ký thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông M, bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Yêu cầu phía bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

- *Bị đơn Ông Vũ Văn M trình bày:* Ông công nhận vợ chồng ông có ký hợp đồng tín dụng để vay số tiền 300.000.000đ của Ngân hàng TMCP PĐ. Để bảo đảm cho khoản vay, vợ chồng ông có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất tại thửa đất số 151a -2, tờ bản đồ số 03, diện tích 63m² tại xã PT, huyện PT, thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông. Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng Hà Đông. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông đã trả được cho Ngân hàng 36.000.002đ tiền gốc trả tiền lãi hàng tháng. Sau đó, do việc làm ăn gặp khó khăn nên vợ chồng ông không có điều kiện để trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện đôn đốc việc trả nợ nhưng ông không trả được nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông số tiền tính đến ngày 15/6/2020 gồm tiền gốc 264.999.998đ; tiền lãi trong hạn: 17.926.690đ; tiền lãi quá hạn: 2.076.105đ, tổng cộng 285.002.793đ, ông đồng ý, nhưng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng ông mỗi tháng trả cho Ngân hàng 10.000.000đ. Trường hợp không trả được nợ thì vợ chồng ông đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản đã thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng. Trên đất thế chấp cho Ngân hàng vợ chồng ông đã xây một ngôi nhà 3 tầng, toàn bộ tài sản này là của hai vợ chồng xây dựng, các con ông còn nhỏ không có công sức gì và cũng không ở trên đất này. Vợ chồng ông và các con ông hiện nay làm ăn và ở tại nội thành Hà Nội, thỉnh thoảng mới về nhà.

Đối với Bà Phạm Phương H mặc dù đã được giao nhận các văn bản tố tụng nhưng bà H không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án, cũng không đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của bà H.

Xác minh tại địa phương xã PT được biết: Ông Vũ Văn M và Bà Phạm Phương H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Cụm 10 (nay là thôn 10) xã PT, huyện PT và có đất nhà tại địa chỉ này. Tuy nhiên, vợ chồng ông M và các con không thường xuyên ở nhà.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng TMCP PĐ đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tài sản thế chấp.

Ngày 26/6/2020, Hội đồng thẩm định tài sản đã tiến hành xem xét thẩm định tài sản thế chấp. Xác định: Thửa đất số 151a -2, tờ bản đồ số 03, diện tích 63m² tại xã PT, huyện PT, đã được Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/11/2019, đứng tên chủ sử dụng đất là Ông Vũ Văn M. Trên đất có một ngôi nhà 03 tầng xây dựng năm 2015, một phần sân bê tông có làm mái lợp tôn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Duy Hải giữ nguyên yêu cầu đề nghị Ông Vũ Văn M, Bà Phạm Phương H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP PĐ toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử là ngày 15/9/2020, ông M, bà H còn nợ Ngân hàng TMCP PĐ tổng số tiền là: 292.100.445đ. Trong đó: Tiền nợ gốc là: 264.999.998đ; nợ lãi trong hạn: 22.640.389đ; nợ lãi quá hạn: 4.460.058đ. Yêu cầu ông M, bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông M, bà H thanh toán xong cho Ngân hàng. Trường hợp ông

M, bà H không trả được số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tại phiên tòa phát biểu: Việc thụ lý, giải quyết vụ án được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng thủ tục tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 26, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 317, 320, 322, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Ông Vũ Văn M, Bà Phạm Phương H. Buộc Ông Vũ Văn M, Bà Phạm Phương H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP PD toàn bộ số tiền tính đến ngày 15/9/2020, số tiền như sau: Tiền nợ gốc là: 264.999.998đ; nợ lãi trong hạn: 22.640.389đ; nợ lãi quá hạn: 4.460.058đ, tổng cộng 292.100.445đ. Trường hợp ông M, bà H không thanh toán trả tiền thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí: ông M, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa các bên là quan hệ pháp luật dân sự. Bị đơn là Ông Vũ Văn M, Bà Phạm Phương H, mặc dù không thường xuyên sinh sống ở thôn 10, xã PT, huyện PT, nhưng theo xác minh tại Công an xã PT, huyện PT và theo lời khai của Ông Vũ Văn M thì Ông Vũ Văn M và vợ là Phạm Phương H có hộ khẩu thường trú tại Cụm 10 (nay là thôn 10) xã PT, huyện PT, Thành phố Hà. Hiện nay, vợ chồng ông M đi làm ăn tại nội thành Hà Nội và thỉnh thoảng vẫn về nhà.

Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn là Ông Vũ Văn M, Bà Phạm Phương H có hộ khẩu thường trú tại Cụm 10 (nay là thôn 10), xã PT, huyện PT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét hợp đồng tín dụng số 0032045/2019/HĐTD - OCB-CN ngày 03/4/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP PD- Chi nhánh Hà Nội- PGD Đông Đô và vợ chồng Ông Vũ Văn M, Bà Phạm Phương H là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực.

Trên cơ sở Hợp đồng, Ngân hàng TMCP PD- Chi nhánh Hà Nội- PGD Đông Đô đã giải ngân cho vợ chồng ông M, bà H số tiền 300.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng do ông M, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo về việc trả nợ

nhưng ông M, bà H không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng TMCP PD khởi kiện yêu cầu ông M, bà H trả nợ là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về số tiền đã trả: Theo bảng kê chi tiết của Ngân hàng cung cấp thì vợ chồng ông M, bà H đã thanh toán được số tiền gốc và lãi là: 55.583.341đ, trong đó có 35.000.002đ tiền gốc. Như vậy, ông M, bà H còn phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 264.999.998đ. Xét yêu cầu của Ngân hàng về số tiền nợ gốc mà ông M, bà H phải trả là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tiền nợ lãi: Tại khoản 3 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng số 0032045/2019/HĐTD-OCB-CN ngày 03/04/2019 và tại Khế ước nhận nợ 0032045.01/2019/KUNN-OCB ngày 05/04/2019, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn 11%/năm trong 03 tháng đầu, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần với công thức tính lãi : Lãi suất cho vay = Lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ bậc cao nhất do OCB công bố tại thời điểm tính lãi + Biên độ tối thiểu 4,2%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Xét việc thỏa thuận lãi suất giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Tính đến ngày 15/9/2020, khoản tiền lãi theo hợp đồng tín dụng mà ông M, bà H còn nợ Ngân hàng TMCP PD như sau: nợ lãi trong hạn: 22.640.389đ; nợ lãi quá hạn: 4.460.058đ.

Vì vậy, cần buộc ông M, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP PD số tiền lãi nêu trên. Ngoài ra, ông M, bà H còn phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 16/09/2020 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ đối với Ngân hàng.

[6] Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp: Ngày 03/4/2019 Ông Vũ Văn M và Bà Phạm Phương H đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng TMCP PD- Chi nhánh Hà Nội- PGD Đông Đô. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất tại thửa đất số 151a -2, tờ bản đồ số 03, diện tích 63m² tại xã PT, huyện PT. Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 118071, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS- PT 00586 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/11/2019, đứng tên chủ sử dụng đất là Ông Vũ Văn M. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1548/HĐTC ngày 03/4/2019, tại Phòng Công chứng Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Việc thế chấp tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Điều 298 của Bộ luật dân sự.

Xét Hợp đồng thế chấp được xác lập đúng trình tự, nội dung hợp đồng không trái pháp luật nên có hiệu lực. Yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 323, 325 Bộ luật dân sự. Vì vậy, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông M, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả khoản nợ gốc, nợ lãi và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP PD có quyền đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì ông M, bà H vẫn phải tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Ông Vũ Văn M, Bà Phạm Phương H tất toán toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP PD phải trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho Ông Vũ Văn M theo khoản 1 Điều 322 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí. Bị đơn là Ông Vũ Văn M, Bà Phạm Phương H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 322, Điều 325, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP PD.

2. Buộc Ông Vũ Văn M, Bà Phạm Phương H phải trả cho Ngân hàng TMCP PD tổng số tiền tính đến hết ngày 15/9/2020 là 292.100.445đ (*Hai trăm chín mươi hai triệu một trăm nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng*). Trong đó: Tiền nợ gốc là: 264.999.998đ; nợ lãi trong hạn: 22.640.389đ; nợ lãi quá hạn: 4.460.058đ.

3. Kể từ ngày 16/9/2020, Ông Vũ Văn M, Bà Phạm Phương H còn phải trả tiền lãi phát sinh của khoản tiền gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận ghi trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên cho đến khi thi hành án xong hoặc tất toán khoản vay.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu Ông Vũ Văn M, Bà Phạm Phương H không thực hiện việc trả nợ hoặc trả không đủ số nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP PD có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 151a -2, tờ bản đồ số 03, diện tích 63m² tại xã PT, huyện PT. Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 118071, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS- PT 00586 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/11/2019, đứng tên chủ sử dụng đất là Ông Vũ Văn M để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ trên thì ông M, bà H vẫn phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng

TMCP PD. Khi ông M, bà H tất toán toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP PD phải trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp.

5. Về án phí: Ông Vũ Văn M, Bà Phạm Phương H phải chịu 7.303.000đ. (*Bảy triệu ba trăm linh ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP PD số tiền 6.835.000đ (*Sáu triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003111 ngày 14/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- THADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Loan

